

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔ LƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 34/2024/HS-ST
Ngày 29 - 5 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Đại

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dương

Ông Lê Văn Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Trúc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Thùy Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2024/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phan Văn V**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 10/3/1979 tại **huyện Y, tỉnh Nghệ An**; Nơi cư trú: **Xóm B, xã G, huyện Đ, tỉnh Nghệ An**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Phan Văn T** (Đã mất) và bà **Nguyễn Thị C** (Sinh năm 1943), Vợ: **Nguyễn Thị H** (Sinh năm 1984) và 03 con (Lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2022);

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/02/2024 đến ngày 29/02/2024. Hiện nay đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt

2. Họ và **Tăng Thị T1**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 10/10/1979 tại **huyện Y, tỉnh Nghệ An**; Nơi cư trú: **Xóm T, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Tăng Văn H1** (Sinh năm 1953) và bà **Nguyễn Thị N** (Sinh năm 1955), **C1: Lê Đình D** (Đã mất) và 05 con (Lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2018); Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/02/2024 đến ngày 29/02/2024. Hiện nay đang bị

áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt

Bị hại: UBND xã L, huyện Đ, tỉnh Nghệ An

Người đại diện theo uỷ quyền của bị hại: Ông Đặng Sỹ D1, sinh năm 1970

Chức vụ: Công chức Văn hóa xã L, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ: UBND xã L, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Lê Đình C2 sinh năm 1999

Địa chỉ: xóm T, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 2 giờ 30 phút ngày 15/02/2024, Phan Văn V điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Sirius màu đen đỏ BKS 37L 4-0779, số khung RLCS7C630AY410939 chở Tăng Thị T1 đi từ xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An sang xã B, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Khi đến khu vực chùa B, thuộc xóm A, xã L, huyện Đ, tỉnh Nghệ An, do khát nước nên V và T1 dừng xe trước cổng, đi vào chùa tìm nước uống và thắp hương. Sau khi thắp hương xong, T1 quay ra chỗ dừng xe đứng chờ, còn V tiếp tục đi vào khu vực cung thờ. Thấy 01 (một) chiếc loa kéo phía trên loa có 01 (một) chiếc micro có dây gắn dây sạc để ở bậc tam cấp, nên V nảy sinh ý định trộm cắp (đây là tài sản thuộc sở hữu của Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Nghệ An, tài sản này đang do ông Đào Văn C3, sinh năm 1959, trú tại xóm B, xã L là bảo vệ trông coi). Quan sát không thấy ai nên V ôm chiếc loa kéo, micro và dây sạc đưa ra xe mô tô của mình. T1 thấy vậy liền nói với V “*đừng lấy đồ của chùa*”. Vịnh nói “*Vô xin cái lộc, có cái loa đây thì ta lấy*”. Vịnh nói T1 ngồi sau ôm chiếc loa kéo, micro và cả dây sạc đi về, T1 đồng ý. Vịnh chở T1 ngồi phía sau ôm cái loa kéo, micro và dây sạc mới trộm cắp được đi đến nhà nghỉ trên địa bàn xã B để nghỉ ngơi. Khoảng 8 giờ ngày 15/02/2024 V chở T1 về nhà của T1 ở xóm T, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An. V nói với T1 cầm chiếc loa kéo, micro, dây sạc về mà sử dụng. Sau khi đưa loa kéo, micro và dây sạc về, do không biết sử dụng nên khoảng 11 giờ ngày 16/02/2024 T1 đưa chiếc loa kéo, micro và dây sạc sang nhà anh Lê Đình C2 sinh năm 1999 (Em chồng của T1), cùng trú tại xóm T, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An để nhờ Lê Đình C2 mở hộ. Nhưng không mở được, nên T1 ngỏ ý bán chiếc loa cho anh C2. Do anh C2 không biết đây là tài sản trộm cắp nên đã đồng ý mua chiếc loa kéo, micro và dây sạc với giá 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng).

Ngày 20/02/2024, nhận thức được hành vi của mình làm là sai trái nên Phan Văn V và Tăng Thị T1 đã đến Công an huyện Đ, tỉnh Nghệ An để đầu

thứ.

Tại bản kết luận định giá số: 04/KLĐG ngày 24/02/2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận:

- 01 (một) loa kéo màu đen, mặt trước có dòng chữ Sony, kích thước (26x27x37)cm, mặt sau loa có ghi thông số: Model no, GTK-PG10. Serial no.1006921.4-747-629-42, có trị giá 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng).

- 01(một) Micro màu trắng dài 23cm, trên có dán tem ghi dòng chữ “Song-Nhạc” được gắn với dây điện màu đen dài 693cm. Có trị giá 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

- 01 (một) dây điện dùng để sạc loa màu đen dài 160cm. Có trị giá 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 3.700.000 đồng (ba triệu bảy trăm nghìn đồng).

Vật chứng của vụ án:

- Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Sirius màu đen đỏ BKS 37L4-0779, số khung RLCS5C630AY410939 thu giữ của Phan Văn V, là Phan Văn V mua của Lê Đình C2, sinh năm 1999 trú tại xóm T, xã T, huyện Y với giá 2.600.000đ (hai triệu sáu trăm nghìn đồng). Chiếc xe đó là Lê Đình C2 mua lại của anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1977, trú tại xóm Q, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An vào tháng 10/2023 do C2 làm nghề mua bán sắt vụn nên mua lại để lấy phụ tùng của xe. Sau khi mua xe của anh H2, tháng 12/2023 Lê Đình C2 lại bán lại chiếc xe trên cho Phan Văn V, việc mua bán không có giấy tờ gì (BL 96;98). Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã tiến hành kiểm tra thông tin phương tiện, với thông tin Biển kiểm soát 37L4-0779 cho kết quả chủ phương tiện là Nguyễn Văn V1, sinh năm 1975, trú tại xóm G, xã Đ, Huyện Đ, tỉnh Nghệ An, xe đăng ký ngày 23/2/2009, xe nhãn hiệu Nagaki, loại C110, màu sơn bạc, số máy VDGZS152FMHN00000189, số khung VDGBCH064DG000189 (BL 86). Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xác minh thông tin dữ liệu đăng ký xe BKS: 37L4-0779 theo số khung RLCS5C630AY410939, kết quả tra cứu không có thông tin dữ liệu đăng ký xe nào có số khung RLCS5C630AY410939 (BL 86A). Như vậy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại màu đen đỏ BKS 37L4-0779, số khung RLCS5C630AY410939, số máy bị mài mòn đã qua sử dụng thu giữ của Phan Văn V, hiện tại thông tin không rõ ràng, vì vậy cần điều tra, xác minh, xử lý sau.

Vật chứng là chiếc xe mô tô nêu trên hiện đang bảo quản tại kho vật chứng Công an huyện Đ.

- 01 (một) chiếc loa kéo màu đen mặt trước có dòng chữ Sony, kích thước (26x27x37)cm, mặt sau Loa ghi thông số Model no, GTK-PG10. Serial no.1006921.4-747-629-42, loa đã qua sử dụng. 01(một) chiếc Micro màu trắng

dài 23cm, trên có dán tem ghi dòng chữ “Song- Nhạc” được gắn với dây điện màu đen dài 693cm. 01 (một) dây điện dùng để sạc loa màu đen dài 160cm.

Số vật chứng này hiện đã trả lại cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ (Ông Đặng Sỹ D1, sinh năm 1970, công chức văn hóa xã L được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L ủy quyền nhận).

Về trách nhiệm dân sự:

- Ông Đặng Sỹ D1, công chức văn hóa xã L là đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã L sau khi nhận lại toàn bộ số tài sản bị chiếm đoạt. Nay không có yêu cầu gì về dân sự.

- Anh Lê Đình C2 sau khi giao nộp lại số tài sản mua lại của Tăng Thị T1 cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ thì đã được T1, V trả lại số tiền 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng). Lê Đình C2 không có yêu cầu gì về mặt dân sự.

Bản cáo trạng số 35/CT-VKS-ĐL ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An đã truy tố các bị cáo Phan Văn V và Tăng Thị T1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo V và T1 tại phiên toà đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh và hình phạt:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phan Văn V 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) đến 18 tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện Đ, tỉnh Nghệ An giám sát và giáo dục bị cáo Phan Văn V trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã G giám sát và giáo dục bị cáo.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt Tăng Thị T1 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An giám sát và giáo dục bị cáo Tăn Thị T2 trong thời gian thử thách. Gia đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T giám sát và giáo dục bị cáo.

+ Về xử lý vật chứng: áp dụng điều 106 BLTTHS năm 2015, đối với chiếc xe Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Sirius màu đen đỏ BKS 37L4-0779, số khung RLCS5C630AY410939 thu giữ của **Phan Văn V**, hiện tại không xác định được chủ sở hữu hợp pháp, cần tạm giữ để điều tra, xác minh theo quy định.

+ Về trách nhiệm dân sự: bị hại không yêu cầu gì về mặt dân sự nên không xét

+ Về án phí: Buộc các bị cáo **Phan Văn V** và **Tăng Thị T1** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm .

+ Các bị cáo có quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện Đ**, tỉnh Nghệ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của các bị cáo **Phan Văn V** và **Tăng Thị T1** tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố, đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 2 giờ 30 phút ngày 15/02/2024, **Phan Văn V** và **Tăng Thị T1** đến **chùa B**, thuộc **xóm A, xã L, huyện Đ, tỉnh Nghệ An** để uống nước và thắp hương. Sau khi thắp hương xong, **T1** ra cổng chờ, còn **V** tiếp tục đi vào khu vực cung thờ. Thấy trong chùa có tài sản, lại đang không có người quản lý nên **V** đã lén lút chiếm đoạt 01 (một) chiếc loa kéo phía trên loa có 01 (một) chiếc micro có dây gắn dây sạc để ở bậc tam cấp (đây là tài sản thuộc sở hữu của Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Nghệ An, tài sản này đang do ông **Đào Văn C3**, sinh năm 1959, trú tại **xóm B, xã L** là bảo vệ trông coi). Sau đó **V** chở **T1** ngồi sau ôm chiếc loa kéo, micro và cả dây sạc đi về. Khoảng 11 giờ ngày 16/02/2024 **T1** đưa chiếc loa kéo, micro và dây sạc sang nhà anh **Lê Đình C2** sinh năm 1999 (Em chồng của **T1**), cùng trú tại **xóm T, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An** ngỏ ý bán chiếc loa cho anh **C2**. Do anh **C2** không biết đây là tài sản trộm cắp nên đã đồng ý mua chiếc loa kéo, micro và dây sạc với giá 600.000 đồng (*sáu trăm nghìn đồng*).

Tổng trị giá số tài sản mà các bị cáo **Phan Văn V** và **Tăng Thị T1** đã trộm cắp là 3.700.000 đồng (*ba triệu bảy trăm nghìn đồng*).

Xét lời khai của các bị cáo **Phan Văn V** và **Tăng Thị T1** tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với vật chứng đã thu giữ được, có đủ cơ sở để kết luận: các bị cáo **Phan Văn V** và **Tăng Thị T1** đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự cho nên cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương truy tố các bị cáo tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của các bị cáo: Đây là vụ án có đồng phạm mang tính giản đơn thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của khác được pháp luật bảo vệ và gây mất trật tự, trị an trên địa bàn. Xuất phát từ động cơ tư lợi, các bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của nơi thờ tự gây bất bình trong quần chúng nhân dân

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đối với cáo **Phan Văn V** là người khởi xướng và thực hành hành vi trộm cắp tài sản một cách tích cực, do đó cần phải xử phạt nghiêm. Bị cáo **Tăng Thị T1** sau khi biết được mục đích trộm cắp tài sản của bị cáo **V1** đã tiếp nhận ý chí và thực hành với vai trò giúp sức cho **V** đưa tài sản ra khỏi khu vực quản lý tài sản sản và đưa về cất dấu, cho nên cũng phải xử phạt nghiêm

Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân đối với các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét các bị cáo chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ thái độ ăn năn hối cải về hành vi của mình, sau khi phạm tội các bị cáo đã tự nguyện giao nộp lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt để trả lại cho bị hại đầy đủ và đã tự nguyện khắc phục hậu quả trả số tiền 600.000 đồng (*sáu trăm nghìn đồng*) cho **Lê Đình C2** và các bị cáo đã đến đầu thú về hành vi phạm tội của mình. Mặt khác bị cáo **Phan Văn V** có bố mẹ đẻ bà **Nguyễn Thị C** và ông **Phan Văn T** là người có công với cách mạng đều được tặng thưởng Huy chương Kháng chiến hạng nhất Đó là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Xét thấy các bị cáo **Phan Văn V**, **Tăng Thị T1** có nhân thân tốt, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, chưa có tiền án, tiền sự, có nghề nghiệp, nơi cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ cho nên chưa cần thiết phải cách ly

các bị cáo khỏi đời sống xã hội mà giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục đối với các bị cáo cũng đủ nghiêm theo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ tạo điều kiện cho các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm thành công dân tốt cho xã hội.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại ông **Đặng Sỹ D1**, công chức văn hóa **xã L** (Đại diện hợp pháp của **Ủy ban nhân dân xã L**), sau khi nhận lại được số tài sản bị trộm cắp. Nay không có yêu cầu gì thêm về bồi thường dân sự nên không xét.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh **Lê Đình C2** sau khi giao nộp lại số tài sản mua lại của **Tăng Thị T1** cho Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an huyện Đ** thì đã được các bị cáo **T1** và **V** trả lại số tiền 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng). **Lê Đình C2** không có yêu cầu gì về mặt dân sự nên không xét.

[5] Về xử lý vật chứng: Cơ quan CSĐT **công an huyện Đ** đã thu giữ: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại màu đen đỏ BKS 37L4-0779, số khung RLCS5C630AY410939, đã qua sử dụng thu giữ của **Phan Văn V**, có thông tin không rõ ràng về chủ sở hữu cho nên tiếp tục giao cho **công an huyện Đ** xử lý theo thẩm quyền.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/02/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 điều 173 của BLHS ngoài hình phạt tù thì các bị cáo **Phan Văn V** và **Tăng Thị T1** còn có thể bị áp dụng hình phạt tiền bổ sung nhưng xét thấy các bị cáo là đối tượng hộ nghèo, nghề nghiệp và thu nhập không ổn định. Cho nên miễn áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, khoản 1 và khoản 2 điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017

1. Tuyên bố các bị cáo **Phan Văn V** và **Tăng Thị T1** phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Xử phạt bị cáo **Phan Văn V** 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (Mười bốn) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện Đ, tỉnh Nghệ An giám sát và giáo dục bị cáo **Phan Văn V** trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã G giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Xử phạt **Tăng Thị T1** 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An giám sát và giáo dục bị cáo **Tăng Thị T1** trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Toà án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Miễn áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo **Phan Văn V** và **Tăng Thị T1**.

2. Về bồi thường dân sự: Bị hại **UBND xã L** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông **Lê Đình C2** đã nhận lại đầy đủ tài sản bị chiếm đoạt. Nay không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên miễn xét.

3. Về xử lý vật chứng: Tiếp tục giao 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Sirius màu đen đỏ BKS37L4-0779, số khung RLCS5C630AY410939 thu giữ của **Phan Văn V** cho Cơ quan **công an huyện Đ** xử lý theo thẩm quyền.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 09/4/2024 giữa **Công an huyện Đ** và **C4 ục"ục Thị hành án dân sự huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An**).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Toà án, buộc các bị cáo **Phan Văn V** và **Tăng Thị T1** mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và Bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Đô Lương;
- Trại tạm giam CA tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THA dân sự H.Đô Lương;
- Sở tư pháp Nghệ An;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN XUÂN ĐẠI